

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN C
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HN-ST

Ngày: 02/3/2020

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Nguyễn Văn Sang.**

- Ông **Nguyễn Thanh Tùng.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hồng**

Vang – Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

Ngày 02 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2019/QĐST-HN ngày 13 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Út M**, sinh năm 1980.

* **Bị đơn:** Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: KV Phú Thạnh, P. Tân Phú, Q. C, Tp. Cần Thơ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* **Theo đơn xin ly hôn đề ngày 31 tháng 10 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Út M trình bày:** Bà và ông T cưới nhau vào năm 1998, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/9/2009 tại UBND xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T hay rượu chè về nhà kiếm chuyện chửi mắng vợ con. Do không thể chịu đựng được nữa nên bà ra ngoài sống và vợ chồng ly thân nhau hơn 02 tháng nay. Nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn N, sinh 10/3/1998 và Lê Văn T, sinh 28/6/2002. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu N đã trưởng thành nên việc sống với ai sẽ do tự cháu quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 14/12/2019 và quá trình giải quyết vụ kiện bị đơn ông Lê Văn T trình bày:** Ông thống nhất lời trình bày của bà M về thời gian vợ chồng cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Ông thừa nhận có nhậu, do con cái lớn không nghe lời nên khi nhậu về có hay la rầy, cần nhằn vợ con. Cũng có vài lần vợ chồng đánh nhau. Nhưng từ hơn 02 tháng nay ông ít nhậu lại. Ông vẫn còn T vợ nên không đồng ý ly hôn mà xin được đoàn tụ.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn N, sinh 10/3/1998 và Lê Văn T, sinh 28/6/2002. Các con đã lớn việc các cháu muốn sống với cha hay mẹ sẽ do các cháu tự cháu quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Thống nhất vợ chồng sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Tại phiên tòa, bà M giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên. Ông T vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Thị Út M và ông Lê Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà M có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông T, tuy nhiên ông vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà M và ông T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên do ông T thường xuyên rượu chè về nhà kiếm chuyện chửi mắng, đánh đập vợ con. Do không thể chịu đựng được nữa nên bà M dẫn con bỏ ra ngoài thuê nhà sống và vợ chồng ly thân nhau hơn 02 tháng nay. Dù được Tòa án hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng bà M vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng ông không có biện pháp nào giúp vợ chồng xóa bỏ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông vắng mặt. Điều đó cho thấy ông đã có thái độ bỏ mặc không quan tâm việc hàn gắn tình cảm. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng bà M là cho bà được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Văn N, sinh 10/3/1998 và Lê Văn T, sinh 28/6/2002. Lê Văn N đã trưởng thành nên Tòa án

không xem xét giải quyết. Lê Văn T có nguyện vọng sống cùng mẹ, bà M cũng có yêu cầu được cháu T nên giao cháu T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Út M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Út M được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn T, sinh 28/6/2002 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà M phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 005733 ngày 28/11/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng ông T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. C “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. C “để thi hành”.
- **UBND P. Thường Thạnh.**
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Thanh Trúc